TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 398/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2025
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hường
Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 121/HNGĐST ngày 26 tháng 2 năm 2025 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 365/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quế A, sinh năm 1999; địa chỉ: Khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ (Nay là xã Đ), tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Đức Anh T, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Khối 1, thị trấn Đ, huyện Đ (Nay là xã Đ), tỉnh Nghệ An; hiện cư trú tại: Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị H và ông Trương Đức T. Cùng địa chỉ: Khối 1, thị trấn Đô Lương (Nay xã Đô Lương), tỉnh Nghệ An; vắng mặt và đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quế A trình bày: Chị và anh Trương Đức Anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/1/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (Nay là xã Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau. Ngày 26/12/2022 anh T đi làm việc tại nước ngoài (đi Đức), thời gian đầu anh T thỉnh thoảng gọi về. Từ 2023 thì anh T không còn liên lạc với chị Quế A nữa. Từ đó đên nay vợ chồng không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Từ 2022

đến nay, anh T chưa về nước một lần nào. Do vợ chồng có khoảng cách về địa lý, không có sự gắn kết, tình cảm vợ chồng không còn, không hạnh phúc và tình trạng vợ chồng không thể khắc phục được. Anh Trương Đức Anh T đang sống và làm việc tại Đức nhưng vợ chồng không liên lạc với nhau nên chị Quế A không biết địa chỉ cụ thể của anh T để cung cấp cho Tòa án. Chị Quế A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Đức Anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 20/9/2019. Hiện nay con đang ở cùng với chị Quế A. Ly hôn Chị Quế A có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Đức Anh T hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của anh Trương Đức Anh T là ông Trương Đức T và bà Võ Thị H (là bố mẹ đẻ của anh T) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh T cũng không cung cấp địa chỉ của anh T ở nước ngoài cho Tòa án biết.

Tại đơn trình bày ý kiến Bà Võ Thị H và ông Trương Đức T cho biết thời gian ở nước ngoài (Đức), anh T có liên lạc với ông T và bà H và gia đình qua điện thoại còn địa chỉ cụ thể của anh T thì anh T không cung cấp nên ông T và bà H không biết. Ông T và bà H cũng thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị Quế A và anh T. Theo nội dung đơn trình ý kiến của ông T và bà H, phía anh T có trao đổi ông T và bà H là đồng ý ly hôn và đồng ý giao con cho Chị Quế A chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên cho đến nay, anh T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 BLTTDS năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị Quế A và anh Trương Đức Anh T được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 20/9/2019. Chị Nguyễn Thị Quế A có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 (một) con chung cho chị Quế A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2, Điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Quế A chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét, dành quyền khởi kiện cho đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn Tòa án phải tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Quế A hiện cư trú tại Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Đức Anh T hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh Trương Đức Anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khối 2, thị trấn Đ, huyện Đ (Nay là xã Đ), tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quế A đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, tài liệu cho Tòa án nhưng do bận công việc nên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Quế A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tài liệu và chứng cứ mà chị đã nộp cho Tòa án. Bị đơn anh Trương Đức Anh T hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T thông qua người thân là ông Trương Đức T và bà Võ Thị H (bố mẹ đẻ của anh T) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn "Yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Trương Đức Anh T"; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời, yêu cầu anh T trình bày ý kiến về việc chị Quế A có đơn ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh T cũng không cung cấp địa chỉ của anh T ở nước ngoài cho Tòa án biết. Về phía ông T và bà H có đơn trình bày: Anh Trương Đức Anh T là con của ông T và bà H. Hiện nay, anh T đang lao động tại Đức, thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại Mesenger Facebook. Ông T và bà H có hỏi địa chỉ của anh T ở nước Đức nhưng anh T không cung cấp nên ông T và bà H không thể cung cấp địa chỉ của anh T ở nước ngoài cho Tòa án được. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, ông T và bà H đã thông tin cho anh T biết việc chị Quế A nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Về phía anh T có trao đổi ông T và bà H là đồng ý ly hôn và đồng ý giao con cho chị Quế A vì con còn nhỏ. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 11/7/2025 và lần thứ hai vào ngày 31/7/2025 nhưng cả hai lần anh T đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Trương Đức Anh T vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Điều 10 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Quế A và anh Trương Đức Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Quế A trình bày vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, do khoảng cách địa lý anh T đang sinh sống làm việc tại Đức, chị Quế A đang ở Việt Nam, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Xét thấy, Theo Công văn số 718/QLXNC-Đ1 ngày 10/3/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Nghệ An cung cấp: Anh Trương Đức Anh T đã xuất cảnh ngày 26/12/2022 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Nay chị Quế A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Quế A và anh Trương Đức Anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Quế A yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Quế A và anh T có có 01 (một) con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 20/9/2019. Hiện con chung đang ở với chị Quế A. Chị Nguyễn Thị Quế A có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét hoàn cảnh thực tế của các bên thấy rằng hiện nay anh T đang sống và làm việc tại nước ngoài, nguyên đơn và thân nhân cũng không cung cấp được địa chỉ của anh T. Chị Quế A có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng con chung để ổn định việc sinh hoạt và học tập cho cháu. Xét thấy, nguyện vọng của chị Quế A là chính đáng, phù hợp với điều kiện thực tế vì hiện nay anh T đang ở nước ngoài và cố tình giấu địa chỉ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Quế A. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Quế A chưa yêu cầu và anh T cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Quế A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quế A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Quế A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Quế A được ly hôn với anh Trương Đức Anh T.

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung là Trương Khánh N, sinh ngày 20/9/2019 cho Chị Nguyễn Thị Quế A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Quế A chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Trương Đức Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Quế A phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng số tiền tạm ứng chị Quế A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0015 ngày 26/2/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn Đ (nay là xã Đ), Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Thanh Hương